

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TB**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28-3-2023

V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TB

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thêu.
2. Ông Nguyễn Thế Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh TB.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TB tham G phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh TB xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Tạ Thị H** - Sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn QLĐ, xã TH, huyện TT, tỉnh TB.

*** Bị đơn:** Anh **Hoàng Khải G (Huang, C - C)** - sinh năm 1972.

Địa chỉ: Đài Loan

(Có mặt chị H; anh Huang, C - C có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Tạ Thị H trình bày:** Chị và anh Hoàng Khải G (Huang, C - C) kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Sở tư pháp tỉnh TB ngày 11/12/2012. Sau khi kết hôn anh Huang, C - C trở về Đài Loan sinh sống và làm việc, thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc, quan tâm nhau. Đến tháng 02/2013, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống với khoảng cách địa lý xa xôi, vợ chồng ít liên lạc, tự lo liệu cuộc sống riêng, không

quan tâm đến nhau từ tháng 02/2013. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Huang, C - C.

Chị và anh Huang, C - C không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai; Đơn đề nghị về việc giải quyết, xét xử vắng mặt; Bị đơn - anh Huang, C - C trình bày:* Anh và chị Tạ Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Sở tư pháp tỉnh TB ngày 11/12/2012. Sau khi kết hôn anh trở về Đài Loan sinh sống và làm việc, thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Tháng 02/2013, anh và chị H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, khoảng cách địa lý xa xôi, vợ chồng ít liên lạc và tự lo liệu cuộc sống riêng không quan tâm đến nhau từ tháng 02/2013. Nay xét thấy hai bên không thể đoàn tụ chung sống vì mỗi người một nước khác nhau, tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy chị Tạ Thị H xin ly hôn anh đồng ý.

Anh và chị Tạ Thị H không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, anh không thể tham gia tố tụng tại Tòa án, anh có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TB kết luận quá trình thực hiện tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đương sự đảm bảo đúng pháp luật và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tạ Thị H được ly hôn anh Hoàng Khải G (Huang, C - C).

- Về quan hệ con chung và tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Tạ Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* **Về tố tụng:** Anh Hoàng Khải G (Huang, C - C) có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt hợp lệ, áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

* **Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị H và anh Hoàng Khải G (Huang, C - C) kết hôn hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh TB ngày

11/12/2012. Sau khi kết hôn, anh Huang, C - C trở về Đài Loan sinh sống và làm việc. Đến tháng 02/2013 chị H và anh Huang, C - C bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và vợ chồng sống mỗi người một nơi ít liên lạc quan tâm đến nhau. Nay chị Tạ Thị H xin ly hôn, anh Huang, C - C đồng ý, thể hiện mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Tạ Thị H được ly hôn anh Huang, C - C là phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung và tài sản, nợ chung: Chị Tạ Thị H và anh Huang, C - C không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nợ chung, vì vậy không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng: Chị Tạ Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tạ Thị H được ly hôn anh Hoàng Khải G (Huang, C - C).

2. Về quan hệ con chung và quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Tạ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Tạ Thị H nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005*** ngày 04/10/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh TB sang thi hành án phí.

4. Về chi phí tố tụng: Áp dụng khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Tạ Thị H phải chịu 200.000 đồng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Huang, C - C và 200.000 đồng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài thu thập chứng cứ đối với anh Huang, C - C. Chuyển số tiền 200.000 đồng chị H nộp theo Biên lai số 0005*** và 200.000 đồng theo Biên lai số 0005*** cùng ngày 04/10/2022 sang thi hành tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Tạ Thị H, vắng mặt anh Hoàng Khải G (Huang, C - C). Chị Tạ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Huang, C - C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TB;
- Cục THADS tỉnh TB;
- Sở Tư pháp tỉnh TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Phương Thảo